

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Thời gian: Từ 14h00 đến 17h30 ngày 23/04/2021.

Địa điểm: Hội trường tầng 15 tòa nhà Viettel, số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Thời gian	Nội dung	Người trình bày
13h30 - 14h00	1. Đón tiếp đại biểu 2. Đăng ký đại biểu 3. Kiểm tra tư các cổ đông 4. Phát tài liệu, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử	- Ban Tổ chức - Ban Thẩm tra TCCĐ - Ban Thẩm tra TCCĐ - Ban Thẩm tra TCCĐ
14h00 - 14h30	5. Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. 6. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông, công bố số lượng cổ đông tham dự Đại hội. 7. Khai mạc Đại hội, giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu	- Ban Tổ chức - Ban Thẩm tra TCCĐ - Chủ tịch đoàn
14h30 - 14h45	8. Thông qua Chương trình Đại hội 9. Thông qua dự thảo quy chế làm việc của Đại hội	- Chủ tịch đoàn - Đoàn chủ tịch
14h45 – 15h45	10. Thảo luận và thông qua các nội dung: a. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2020, định hướng năm 2021. b. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021. c. Trình bày Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội d. Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE). e. Tờ trình thông qua mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2020 và đề xuất mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2021. f. Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHCĐ thường niên năm 2021. g. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài	- Chủ tịch đoàn chủ trì: - Đại diện HĐQT - Tổng Giám đốc - Đại diện HĐQT - Đại diện HĐQT - Đại diện HĐQT - Đại diện Ban kiểm soát - Đại diện Ban kiểm

	<p>chính năm 2020.</p> <p>h. Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS</p> <p>i. Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính năm 2020.</p> <p>j. Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.</p> <p>k. Tờ trình Về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel</p> <p>l. Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT</p> <p>m. Tờ trình Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.</p>	<p>soát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện Ban kiểm soát - Đại diện P.TCKT - Đại diện P.TCKT - Đại diện HĐQT - Đại diện HĐQT - Đại diện HĐQT
15h45–16h00	<p>11. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025</p> <p style="text-align: center;">[BẦU CỬ]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm phiếu - Cổ đông
16h00-16h10	12. Kiểm phiếu	- Ban kiểm phiếu
16h10-16h40	<p>13. Thảo luận:</p> <p>14. Công bố kết quả bầu cử</p> <p>15. Bỏ phiếu thông qua các nội dung tại Đại hội.</p> <p style="text-align: center;">[BỎ PHIẾU]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chủ tịch - Ban kiểm phiếu - Cổ đông
16h40-16h50	GIẢI LAO 10P	
16h50-17h10	<p>16. Công bố kết quả kiểm phiếu</p> <p>17. Đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội</p> <p>18. Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm phiếu - Ban Thư ký. - Đoàn chủ tịch
17h10-17h30	<p>19. Tổng kết và bế mạc Đại hội</p> <p>20. Ra mắt thành viên HĐQT.</p>	- Ban tổ chức

Số: /QC-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) của Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.

2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông, người tham dự họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Công khai, công bằng, dân chủ.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, của Tổng công ty.
3. Phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

CHƯƠNG II.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI
CÁC CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH, GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông và người đại diện ủy quyền của Cổ đông tham dự Đại hội.

1. Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết.
2. Được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử, tài liệu họp và các tài liệu khác theo quy định của Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.
3. Được tham dự và phát biểu trực tiếp tại Đại hội theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch hoặc ghi ý kiến vào phiếu ý kiến đóng góp gửi Ban tổ chức Đại hội. Ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.
4. Được biểu quyết đối với tất cả các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội.

5. Đến họp đúng giờ, trong trường hợp đến họp muộn vẫn có thể đăng ký tham dự và thực hiện biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

6. Phải xuất trình CMND/CCCD hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) để Ban thẩm tra tư cách cổ đông đối chiếu, thực hiện thủ tục đăng ký dự Đại hội và được nhận Thẻ cổ đông, Thẻ biểu quyết, Tài liệu họp và các tài liệu khác theo quy định của Ban Tổ chức.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này; Tuân thủ sự điều hành của Chủ tịch đoàn và Ban tổ chức Đại hội, không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

1. Thành phần và số lượng thành viên Đoàn Chủ tịch do Ban Tổ chức Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Điều hành công việc của Đại hội theo Chương trình họp đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Duy trì phần thảo luận của các cổ đông.

- Trả lời những vấn đề đại hội yêu cầu với phương thức thích hợp.

- Kết luận những vấn đề được thảo luận tại đại hội, điều hành thông qua nghị quyết của Đại hội.

- Đề xuất thay đổi chương trình họp; hoãn/tạm dừng họp; thay đổi địa điểm họp; quyết định các biện pháp an ninh cần thiết để duy trì trật tự, an ninh đảm bảo an toàn Đại hội và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

- Việc phân công công tác các thành viên Đoàn Chủ tịch do Chủ tọa quyết định.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thẩm tra tư cách cổ đông

- Thẩm tra tư cách cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội theo quy định pháp luật và Quy chế tổ chức Đại hội.

- Trả lời chất vấn hoặc phát hiện các vấn đề cần xem xét về tư cách cổ đông.

- Tổng hợp và báo cáo với Đại hội kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.

- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

Là bộ phận chuyên trách của Đại hội đồng cổ đông, thành phần và số lượng do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, có nhiệm vụ:

- Kiểm đếm, thống kê số lượng phiếu bầu cử, phiếu biểu quyết để xác định số lượng cổ đông và số cổ phần mà họ đại diện, xác định số lượng, tỷ lệ ý kiến tán thành, không tán thành và không có ý kiến thuộc nội dung Đại hội.
- Hướng dẫn cổ đông cách thức bỏ phiếu bầu cử, biểu quyết vấn đề trình Đại hội.
- Tổng hợp và báo cáo với Đại hội kết quả kiểm phiếu bầu cử, biểu quyết thông qua nội dung của Đại hội.
- Xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

Là bộ phận chuyên trách của Đại hội đồng cổ đông, thành phần và số lượng do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, có nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của Đại hội.
- Tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội.
- Soạn thảo biên bản và nghị quyết của Đại hội.
- Tiếp nhận đăng ký phát biểu, bài phát biểu của cổ đông, nhận thư, tài liệu liên quan đến đại hội.
- Thu nhận, bảo quản và gửi tới hội đồng quản trị những tài liệu, ấn phẩm, Phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông tại Đại hội.
- Thực hiện các công việc trợ giúp khác theo phân công của Đoàn chủ tịch.

Điều 8. Điều kiện tham dự Đại hội.

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trên Danh sách cổ đông có quyền dự họp tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội, có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và phát biểu, biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải xuất trình Giấy tờ tùy thân đã đăng ký tại Danh sách cổ đông, thông báo mời họp, giấy ủy quyền (trong trường hợp người tham dự Đại hội là người được cổ đông ủy quyền) để thực hiện thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.

3. Các vị khách mời tham dự theo Giấy mời của Ban Tổ chức. Các trường hợp khác phải được sự đồng ý của Ban thẩm tra tư cách cổ đông.

CHƯƠNG III.

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì Tổng công ty sẽ thực hiện triệu tập họp lần tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định có liên quan.

Điều 10. Trật tự Đại hội.

1. Cổ đông lựa chọn vị trí ngồi phù hợp theo hướng dẫn của Ban Tổ chức;
2. Không hút thuốc lá trong phòng họp;
3. Điện thoại không để chế độ chuông;
4. Hạn chế: nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại di động, máy ảnh, máy quay gây ảnh hưởng đến hoạt động Đại hội.

Điều 11. Phương thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

1. Việc biểu quyết các nội dung thuộc Chương trình họp được thực hiện thông qua hình thức giơ thẻ biểu quyết (là thẻ màu Xanh) hoặc đánh dấu vào Phiếu biểu quyết (là phiếu màu trắng) hoặc kết hợp cả 02 phương thức để xác định số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2. Riêng việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tuân theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát. Phiếu bầu cử là thẻ màu VÀNG. Cổ đông tiến hành bỏ phiếu và việc kiểm phiếu được thực hiện trong thời gian tiến hành Đại hội.

Điều 12. Thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1. Trước khi tiến hành biểu quyết, Ban Thẩm tra tư cách cổ đông sẽ công bố số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại Đại hội làm cơ sở tính tỷ lệ biểu quyết.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề biểu quyết nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (bao gồm cả người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) có mặt tại Đại hội thông qua;

Riêng đối với vấn đề thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty phải được số cổ đông đại diện

trên 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (bao gồm cả người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) có mặt tại Đại hội thông qua.

Riêng đối với vấn đề thông qua giao dịch, hợp đồng với cổ đông, những người có liên quan của cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết còn lại (bao gồm cả người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) có mặt tại Đại hội thông qua, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố tại Đại hội ngay sau khi hoàn tất việc biểu quyết theo chương trình họp.

Điều 13. Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

Nội dung cuộc họp Đại hội được lập thành Biên bản, được công bố thông tin công khai và lưu trữ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Biên bản họp được đọc trước toàn thể Đại hội và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

CHƯƠNG IV.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế này có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel tổ chức ngày 23/04/2021.

2. Cổ đông và những người dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Số: /BC-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.

Năm 2020 là năm nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái do tác động nặng nề từ dịch Covid-19. Tại Việt Nam bên cạnh dịch bệnh thì biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bão, lũ, sạt lún, hạn hán, xâm nhập mặn, ... diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Là một năm khó khăn, tuy nhiên Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi là “Công ty”) đã xuất sắc hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao và đạt được những thành tích giải thưởng và danh hiệu cao quý.

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin được báo cáo Đại hội kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020, định hướng năm 2021, như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Đánh giá chung

Năm 2020 là một năm thành công lớn của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel với những thành tích sau:

- Tổng công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 qua đó bầu ra được HĐQT và BKS cho nhiệm kỳ mới. Cùng với việc kiện toàn về mô hình kinh doanh và nhân sự, HĐQT đã phê duyệt chiến lược SXKD 2020-2025 với mục tiêu đưa Tổng công ty chúng ta trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.
- Trong năm Tổng công ty đã đón nhận Huân chương bảo vệ tổ quốc hạng nhất cho giai đoạn 2015-2020; Cờ thi đua của Chính phủ; Giải thưởng trong FAST 500 và Giải vàng danh hiệu Công ty của năm, lĩnh vực xây dựng, dành cho Công ty có quy mô lớn (*giải thưởng kinh doanh Quốc tế hàng đầu thế giới IBA công bố*)

Về vốn hóa thị trường: Cổ phiếu CTR đã thiết lập đỉnh cao mới và có mức tăng trưởng ấn tượng, giá cổ phiếu tăng hơn 2 lần so với giá đầu năm. Vốn hóa tại ngày 31/12/2020 của CTR là 4.950 tỷ đồng.

2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1.1. Kết quả kinh doanh năm 2020

Trước những diễn biến khó lường và ảnh hưởng sâu rộng của Covid-19 cũng như thiên tai, Ban Điều hành đã nhanh chóng xây dựng các kịch bản kinh doanh khác nhau bám sát theo biến động của thị trường và tình hình, tổ chức điều hành quyết liệt theo mục tiêu đã đề ra như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2020 đạt 6.380 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch, tăng trưởng 25,2% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020 đạt 345 tỷ đồng hoàn thành 136% kế hoạch, tăng trưởng 44% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 274,2 tỷ đồng hoàn thành 138% kế hoạch, tăng trưởng 51,6% so với cùng kỳ 2019.

Với những kết quả đạt được, Công ty đã vinh dự đón nhận Huân chương bảo vệ tổ quốc hạng nhất giai đoạn 2015 - 2020 do Đảng và Nhà nước trao tặng, Cờ thi đua Chính phủ, Giải Vàng Steview Awards 2020 (Công ty của năm, lĩnh vực xây dựng dành cho Công ty có quy mô lớn), People Choice's Awards 2020 - Internation Business Awards (Công ty được yêu thích nhất của năm do độc giả bình chọn), Top 500 doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất 2020 - FAST500 (Xếp thứ hạng 103/500 doanh nghiệp), Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020 - VNR500 (Xếp thứ hạng 243/500 doanh nghiệp).

2.1.2. Kết quả thực hiện các chuyển đổi chiến lược:

Trong năm 2020, VCC đã thực hiện đúng các định hướng chuyển đổi chiến lược, cụ thể:

- Chuyển từ nhà thầu dịch vụ, thương mại thành công ty sở hữu tài sản, hạ tầng cho thuê (Việc đầu tư hạ tầng cho thuê đã được triển khai từ cuối năm 2018, đạt doanh thu 14 tỷ của năm 2019 và đã đạt mức doanh thu 65,3 tỷ năm 2020, gấp 4,6 lần doanh thu năm 2019).
- Chuyển dịch từ xây dựng, vận hành hạ tầng viễn thông sang cung cấp toàn trình từ Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu hạ tầng kết nối thông minh (Thiết kế triển khai smarthome khu biệt thự Thụy Khuê - Hà Nội cho Tập đoàn

GFS, dự án Golden City Nghệ An, dự án Vinhomes Hải Phòng; Làm toàn trình từ tư vấn, thiết kế, triển khai và vận hành một phần ~ 70 Mwp điện năng lượng mặt trời; ...)

- Vận hành tổ chức theo định hướng chuyển dịch số: Kết thúc năm 2020, điểm chuyển đổi số của VCC đã tăng từ 2,1/5 điểm lên 3,2/5 điểm (thang 5 điểm theo TMForum), tiến tới mục tiêu từ năm 2021 thực hiện tư vấn chuyển đổi số cho các doanh nghiệp ngoài Tập đoàn.

- Mở rộng kinh doanh các lĩnh vực như Energy-as-a-service và Cơ điện (M&E), đặc biệt là năng lượng tái tạo (năm 2020 đã triển khai EPC ~ 70 Mwp điện năng lượng mặt trời).

2.2. Thực hiện những nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền

2.2.1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2020:

Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 là *Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC*.

2.2.2. Chi trả cổ tức năm 2019 trong năm 2020:

Nghị quyết số 43/NQ-VCC-HĐQT ngày 30/06/2020 thông qua phương án chi trả cổ tức và Nghị quyết số 46/NQ-VCC-HĐQT ngày 23/7/2020 về việc chi trả cổ tức, đảm bảo đúng nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 phê duyệt:

- Trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%: tổng số tiền chi trả 60.697.509.000 đồng (*Sáu mươi tỷ, sáu trăm chín bảy triệu, năm trăm lẻ chín nghìn đồng*). Thời gian chi trả: 18/08/2020.

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16% vốn điều lệ. Tổng Công ty đã phát hành 9.710.616 cổ phiếu (*Chín triệu, bảy trăm mười nghìn, sáu trăm mười sáu cổ phần*). Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá 97.106.160.000 đồng (*Chín mươi bảy tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Thời gian chi trả: tháng 8/2020.

2.2.3. Tăng vốn điều lệ bằng phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu:

Thực hiện Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức trong tháng 08/2020, thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ với cơ quan Đăng ký kinh doanh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/9/2020.

2.2.4. Phát hành cổ phiếu ESOP năm 2020:

Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội, HĐQT đã ban hành 03 nghị quyết (Nghị quyết số 65/QĐ-VCC-HĐQT ngày 05/10/2020 về Phê duyệt quy chế Esop và triển khai chương trình phát hành cổ phiếu Esop 2020; Nghị quyết số 68/NQ-VCC-HĐQT ngày 27/10/2020 về Chốt danh sách CBNV đc mua cổ phiếu ESOP và ngày thu tiền và Nghị quyết số 71A/NQ-VCC-HĐQT ngày 10/11/2020 về Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ESOP) để triển khai phát hành cổ phiếu ESOP. Kết quả phát hành như sau:

- Số cổ phiếu đã phát hành thành công: 1.373.703 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu
- Số người lao động được phân phối: 793 người
- Số cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ ngày 05/11/2020.
- Vốn điều lệ sau đợt phát hành: 717.818.280.000 đồng.

2.2.5. Sửa đổi Điều lệ:

Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua nội dung Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty, HĐQT đã chỉ đạo ban hành Điều lệ theo đúng quy định.

2.2.6. Thực hiện giao dịch với người liên quan:

Công ty đã ký 02 hợp đồng theo tờ trình chấp thuận hợp đồng, giao dịch với đại diện Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội theo tờ trình được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 2812.01-DTTS/VTT-VCC/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông. Giá trị hợp đồng: 1.648 tỷ đồng.
- Hợp đồng số 2812.02-DTTS/VTT-VCC/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng. Giá trị hợp đồng: 1.732 tỷ đồng.

Ngoài ra HĐQT đã phê duyệt thông qua chủ trương cho phép Tổng giám đốc ký các hợp đồng giao dịch có tính chất thường xuyên với người có liên quan của Công ty: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2020. Số lượng các hợp đồng ký 2.016 hợp đồng tương ứng với giá trị 1.903 tỷ đồng.

3. Tổ chức và hoạt động của HĐQT

3.1. Công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 21 cuộc họp (trong đó 15 cuộc họp trực tiếp và 6 lần xin ý kiến bằng văn bản) thông qua các nội dung trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

HĐQT đã tập trung vào nhiệm vụ phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư hạ tầng cho thuê; phê duyệt và chuẩn hóa mô hình tổ chức; phê duyệt các nội dung theo phân cấp thẩm quyết; giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính đến quý; kiểm soát, giám sát và đánh giá số liệu để cảnh báo cho Ban Điều hành nhằm đảm bảo Tổng Công ty hoàn thành kế hoạch năm và thực hiện theo đúng chiến lược đã được phê duyệt.

Số lượng các cuộc họp:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi tham dự họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch HĐQT	06/06/2020	7	100%
2	Ông Dương Quốc Chính	Chủ tịch HĐQT	Tham gia HĐQT ngày 25/4/2015; Miễn nhiệm ngày 06/06/2020	8	100%
3	Ông Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm TGD	26/01/2019	15	100%
4	Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	06/06/2020	6	86%
5	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	25/04/2015	15	100%
6	Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	19/6/2018	15	100%
7	Ông Phan Thanh Sang	Thành viên HĐQT	Tham gia HĐQT ngày 26/01/2019; Miễn nhiệm ngày 06/06/2020	Ủy quyền tham dự họp cho cá nhân khác.	

3.2. Thù lao HĐQT – Chi phí hoạt động của HĐQT:

Việc chi trả lương, thù lao của HĐQT và BKS tuân thủ theo đúng mức đã được ĐHCĐ thông qua (Chi tiết theo tờ trình về việc thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 và đề xuất mức thù lao cho năm 2021).

4. Đánh giá Kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT

4.1. Đánh giá chung

- Trong năm 2020, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của BDH trong việc tổ chức, điều hành thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.

- Quản lý và vận hành Tổng Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

- Đảm bảo việc sử dụng dòng tiền hợp lý cho các hoạt động SXKD và đầu tư để không làm tổn hại lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Tổng Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Tổng Công ty.

4.2. Đánh giá kết quả từng thành viên

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng tại Tổng Công ty.

- Thành viên HĐQT chuyên trách hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Tổng công ty.

- Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2020.

5. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành

5.1. Phương pháp giám sát:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời đúng theo quy định.
- Giám sát hoạt động điều hành, quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hành thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.
- Việc tổ chức thực hiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.
- Việc xây dựng nguồn nhân lực và tính hiệu quả của mô hình tổ chức.

5.2. Đánh giá

Năm 2020, HĐQT đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt, quyết tâm cao của Công ty và Ban Điều hành trong việc tổ chức triển khai các phương án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu, đi theo đúng chiến lược đề ra trước những diễn biến phức tạp và tác động tiêu cực của thiên tai, dịch Covid-19.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Định hướng - Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

- Nâng cao công tác thực hành quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất tại Việt Nam dành cho công ty đại chúng.
- Hướng mọi hoạt động đảm bảo “Công nghệ nhất - Thông minh nhất - Chất lượng nhất - Hiệu quả nhất”; Duy trì và làm tốt “Con người - Quy trình - Công nghệ - Quản trị” với phương châm hành động “Bền trong - Vững ngoài”.
- Nâng cao hình ảnh thương hiệu và trải nghiệm khách hàng.
- Chuyển đổi số đạt 3.5 - 4.5 điểm (Theo thang điểm của TMForum).

2. Các chỉ tiêu SXKD chính năm 2021 (Số liệu hợp nhất)

- Tổng doanh thu: 6.600 tỷ đồng tăng trưởng 3,4% so với năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế: 350,6 tỷ đồng, tăng trưởng 1,6% so với năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế: 275,8 tỷ đồng, tăng 0,6 % so với năm 2020.
- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 10% - 20%.
- Trong đó: Tổng doanh thu của Công ty mẹ: 6.009 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 269,1 tỷ đồng; ROE đạt 24,4 %.

Năm 2020 được bắt đầu bằng khó khăn lớn từ dịch bệnh, tuy nhiên cũng là một năm Chúng ta tự hào vì qua những khó khăn lớn thì lại gặt hái được nhiều thành công hơn. Đây là kết quả của sự nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty.

Năm 2021 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức với Công ty, với những kết quả đã đạt được cùng sự quyết tâm, đoàn kết, sáng tạo, Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng sẽ hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu đề ra.

Trên đây là báo cáo của HĐQT, kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Số: /BC-VCC-BKS

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và các văn bản có liên quan;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;
Căn cứ Quy chế hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên về kết quả hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2020

a) Tổ chức bộ máy và điều hành

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2020-2025) được bổ nhiệm theo Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06.06.2020; có 03 thành viên chuyên trách, cụ thể như sau:

Một:	Ông: Ngô Quang Tuệ	- Cử nhân tài chính	- Trưởng ban
Hai:	Ông: Phạm Hồng Quân	- Thạc sỹ kế toán	- Kiểm soát viên
Ba:	Bà: Mai Thị Anh	- Cử nhân kế toán	- Kiểm soát viên

- Tổ chức họp định kỳ quý/lần: 06/04 cuộc họp, nội dung chủ yếu lập, triển khai kế hoạch, làm chuyên đề, phân công, giao đánh giá kết quả thực hiện.

- Điều hành: phân công, giao nhiệm vụ theo chuyên môn, lĩnh vực, chuyên đề; cách làm phân tích sâu, tìm gốc vấn đề cảnh báo rủi ro và đề xuất giải pháp.

- Mục tiêu: giảm thiểu rủi ro, hiệu quả, tuân thủ và thượng tôn Pháp luật.

- Hiệu quả: phát hiện vấn đề nhanh, phân tích sâu, cảnh báo kịp thời.

b) Nội dung kết quả hoạt động

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ và Quy chế:

- Tổ chức họp, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; lập, thông qua kế hoạch hoạt động gửi HĐQT/BĐH và xin ý kiến chỉ đạo từ Chủ sở hữu.

- Triển khai giám sát thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành: kết quả kinh doanh, tài chính, tổ chức mô hình, pháp lý đầu tư và thực hiện tuân thủ pháp luật.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT, báo cáo kết quả, đề xuất ý kiến; các ý kiến đều được HĐQT và BĐH ghi nhận chỉ đạo thực hiện: quản lý công nợ, hợp đồng, hồ sơ thanh quyết toán, ý tưởng áp dụng công nghệ trong quản lý,...

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất trước và sau kiểm toán Quý/6 tháng/năm nhằm đánh giá bức tranh kinh doanh, tài chính thông qua các chỉ số hoạt động, hiệu quả và tài chính.

- Tham gia đóng góp ý kiến, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các dự thảo quy chế, quy định của đơn vị; đề xuất các ý kiến phục vụ công tác quản trị quản lý công nợ, dự án.

- Tổ chức giám 05 chuyên đề: (1) *mua sắm, hồ sơ pháp lý lựa chọn nhà thầu; nghiệm thu quyết toán,..*); (2) *Quản lý công nợ phải thu và phải trả*; (3) *Hoàn công các dự án đầu tư thuộc hạ tầng cho thuê*; (4) *thanh toán chi phí đối với các hợp đồng có giá trị thanh toán lớn từ 20 trđ*; (5) *quản lý hàng tồn kho*.

- Phối hợp với Pháp chế và Kiểm toán nội bộ và Phòng tài chính đi kiểm tra, quyết toán hỗ trợ nghiệp vụ tài chính tại 06 Chi nhánh tỉnh/tp.

- Giám sát hoạt động công bố thông tin và các hợp đồng với các bên liên quan và đi thực tế tại các Chi nhánh Viettel tỉnh/tp cùng Ban TGD.

- Tham dự các khóa học theo chuyên ngành kiểm soát viên doanh nghiệp phân tích chuyên sâu: *quản trị tài chính, rủi ro; thẩm định báo cáo tài chính và đầu tư dự án; tìm hiểu pháp luật hiện hành*.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên trong Ban kiểm soát

Cơ sở đánh giá: Kế hoạch và phân công nhiệm vụ, đánh giá như sau:

a) Đồng chí: Ngô Quang Tuệ - Trưởng ban kiểm soát:

- + Thực hiện tốt công việc của Trưởng ban theo Quy chế hoạt động của BKS;
- + Xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch năm, quý, tháng của BKS;
- + Phân công giao việc, đánh giá hoàn thành công việc của các KSV;
- + Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; thẩm định báo cáo tài chính trước vào sau kiểm toán; tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp của BĐH Tháng/Quý/Năm.
- + Chủ trì và kết luận các nội dung giám sát: Hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư mua sắm; tính hiệu lực, tuân thủ quy định và hệ thống quản trị rủi ro;
- + Tổ chức giám sát chuyên đề: *Đầu tư, mua sắm thường xuyên; công nợ; ... tại KCQ Tổng công ty và Chi nhánh kỹ thuật tỉnh/Tp.*

Hai là đồng chí: Phạm Hồng Quân – Thành viên Ban kiểm soát

- + Giám sát chi tiết việc thực hiện các nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính công ty Mẹ và hợp nhất như: *cơ sở dữ liệu, cơ sở pháp lý lập báo cáo; đánh giá sức khỏe, bức tranh tài chính; hệ thống quản trị rủi ro....*

+ Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật và Tổng công ty; giám sát các chuyên đề: *dự án đầu tư hạ tầng cho thuê; công tác quản lý công nợ; giám sát thực hiện theo Ủy quyền thuộc thẩm quyền*.

Ba là đồng chí: Mai Thị Anh – Thành viên ban kiểm soát

- + Giám sát chi tiết việc thực hiện các nội dung nghị quyết của HĐQT.

+ Giám sát tình hình tài chính: đánh giá công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả; công nợ vật tư, hàng hóa hàng tồn kho toàn Tổng công ty.

+ Giám sát việc tuân thủ

+ Giám sát ban hành văn bản, hoạt động đầu tư, mua sắm của Tổng công ty.

*** *Đánh giá kết quả chung:*** các thành viên chủ động trong công việc, hoạt động có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT/BĐH trong các cuộc họp, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

3. Hạn chế: một số lĩnh vực chưa thực hiện giám sát phân tích sâu: Mô hình tổ chức, lao động tiền lương, công tác quản lý tài sản, chi phí khoán, do đó chưa phát huy được ưu thế trong hoạt động.

4. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Chi trả, nhận thù lao của BKS được thực hiện đúng định mức đã được ĐHĐCĐ thông qua (*chi tiết tờ trình 2020 và dự kiến thù lao năm 2021*).

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Tổng công ty

- Tổng công ty đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 và chiến lược giai đoạn (2018-2020), đảm bảo tốc độ tăng trưởng hai con số bền vững và bảo toàn vốn; tổng doanh thu tăng 106% so với kế hoạch, tăng 124%/2019; lợi nhuận sau thuế tăng 137%/kế hoạch và tăng 145%/2019; dòng tiền ròng tăng 154%/2019, thu nhập bình quân/người tăng từ 21,9tr lên 25,5 trđ/tháng và tăng 107%/kế hoạch và tăng 16,9%/2019.

- Các ngành nghề truyền thống duy trì mức tăng trưởng tốt, đặc biệt các ngành nghề mới, có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao: lĩnh vực Giải pháp tích hợp tăng 280% so với kế hoạch đạt 935/333 tỷ đồng; lĩnh vực đầu tư hạ tầng cho thuê các dự án triển khai đảm bảo bước đầu đã mang lại doanh thu bền vững tăng so với 2019 là 47 tỷ đồng, đảm bảo dòng tiền thu hồi vốn. Ban điều hành đặc biệt chú trọng công tác chuyển đổi đưa số hóa vào trong các lĩnh vực quản lý.

- Công tác điều hành: Ban TGD Ủy quyền, phân công nhiệm vụ chi tiết theo lĩnh vực chủ trì, phụ trách các đầu mối khối cơ quan và đơn vị CNKT Tỉnh/tp.

- Chiến lược giai đoạn (2021-2025), Tổng công ty đã xây dựng Tầm nhìn – Sứ mệnh - mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn: với tầm nhìn trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất; sứ mệnh thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến doanh nghiệp và hộ gia đình; mục tiêu trở thành nhà đầu tư và cho thuê hạ tầng lớn hàng đầu trong nước, mở rộng cung cấp dịch vụ xây dựng, vận hành khai thác ngoài Tập đoàn và nước ngoài, phát triển giải pháp năng lượng sạch, cơ điện thông minh.

- Công tác điều hành và quản trị rủi ro: Ban TGD đã xây dựng quy chế và hệ thống quản trị rủi ro với 3 tuyến phòng vệ; đưa hệ thống cải tiến quy trình **Lean six sigma**; hệ thống **ISO 31000** về QTRR và hệ thống **BI&DW** phân tích điều hành.

- Ứng dụng công nghệ cao toàn trình vào hoạt động kinh doanh trong đó công tác chuyển đổi số được ưu tiên với kết quả đạt từ 2,1 lên 3,2/5 điểm năm 2020; đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho 68.000 lượt CBNV, 29 cán bộ quản lý

nguồn GĐCNKT và 423 giám đốc cụm huyện; chất lượng CBQL được nâng cao cả về chất và lượng tại các tuyến cấp cơ sở.

2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị/Ban điều hành

a. Hoạt động của HĐQT như sau:

+ Tổ chức các cuộc họp định kỳ thành phần tham dự đầy đủ; điều hành các cuộc họp tập trung vào các nội dung chủ yếu: kế hoạch, chiến lược SXKD, mô hình tổ chức, cơ chế chính sách, đầu tư dự án, phát hành Esop,...các thành viên tham dự đều có ý kiến phát biểu, kết quả: *ban hành 35 văn bản (25 Nghị quyết, 09 Quyết định và 01 văn bản khác thuộc thẩm quyền); công bố thông tin theo quy định pháp luật và Ủy ban chứng khoán;*

+ Tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được 100% cổ đông tham dự biểu quyết và tán thành;

+ Hoạt động tuân thủ Nghị quyết, Điều lệ, Quy chế, đảm nhiệm tốt vai trò với tư cách là người đại diện vốn, luôn đảm bảo tốt lợi ích của Tổng công ty và cổ đông.

b. Hoạt động của Ban điều hành:

+ Triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và kế hoạch kinh doanh năm 2020.

+ Điều hành các cuộc họp nghiêm túc, BTGD lắng nghe ý kiến đề xuất tìm nguyên nhân gốc vấn đề tồn tại, đưa ra giải pháp khắc phục nhằm tuân thủ và thượng tôn pháp luật.

+ Ứng dụng số hóa vào các lĩnh vực quản lý thông qua hoạt động chuyển đổi số, mục tiêu nâng cao năng suất lao động, giảm thời gian, hiệu quả, nhằm đáp ứng với chiến lược phát triển.

+ Nỗ lực, đột phá trong điều hành: *đưa các sản phẩm dịch vụ, ngành nghề mới vào hoạt động kinh doanh, tối ưu chi phí, đẩy mạnh hoạt động đầu tư hạ tầng cho thuê và điện năng lượng sạch, quản lý dòng tiền,... mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.*

+ Tuy nhiên, ngoài những kết quả đạt được, BĐH cần đẩy mạnh chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu doanh thu ngoài Tập đoàn, mặc dù năm 2020 tăng trưởng 276% so với cùng kỳ, nhưng tỷ trọng chiếm chỉ 14% tổng doanh thu thuần ~ (906/6.441 tỷ đồng);

+ Lĩnh vực mới đầu tư hạ tầng cho thuê triển khai còn chậm, chưa đạt kế hoạch, do vậy doanh thu chỉ đạt 61,6/150,9 tỷ đồng ~ 40,6% so với kế hoạch;

c. Giám sát hoạt động công bố thông tin

Năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện công bố **48** thông tin theo quy định của pháp luật, không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

3. Kết quả giám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết.

- Vốn điều lệ năm 2020 sau khi tăng là: 717.818.280.000đ ~ 71.781.828 cổ phiếu, trong đó, trả:

+ Cổ tức bằng cổ phiếu: 9.710.616 cổ phiếu ~ 16% và phát hành cổ phiếu ưu đãi Esop 1.373.703 cổ, tăng lên 71.781.828 cổ phiếu (MG10.000 đ/cổ phiếu).

- + Trả bằng tiền của năm 2019 giá trị 10% trong năm 2020 ~ 60,6 tỷ đồng.
- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết.

4. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh 2020

4.1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

a. Về việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2020 được lập trên cơ sở lựa chọn chính sách kế toán phù hợp, áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, tuân thủ pháp luật và các quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC “là đơn vị nằm trong danh sách được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2020”, báo cáo được chấp nhận toàn phần và có ý kiến phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Về kiểm toán báo cáo tài chính

Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến trong báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Kết quả phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2. Tình hình kinh doanh và tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2020

4.2.1 Kết quả kinh doanh thực hiện theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ

DVT: Triệu đồng./.

TT	NỘI DUNG	TH 2020	KH 2020	TH 2019	CL TH 2020-KH 2020		CL TH 2020-TH 2019	
					+/-	%	+/-	%
1	Tổng doanh thu	6 380 370	6 000 000	5 140 660	380 370	6%	1 239 710	24%
2	Chi phí	6 035 266	5 762 000	4 900 954	273 266	5%	1 134 312	23%
3	Lợi nhuận trước thuế	345 104	255 015	239 706	90 088	35%	105 398	44%
4	Lợi nhuận sau thuế	274 174	200 625	188 955	73 549	37%	85 219	45%
5	Vốn chủ sở hữu	1 060 862		867 063			193 800	22%
6	Tổng tài sản	3 879 102		2 443 638			1 435 464	59%

® HĐQT/BĐH hoàn thành tốt các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và so với cùng kỳ năm 2019:

+ Doanh thu đạt 6 380 tỷ đồng, vượt 380 tỷ đồng ~ 6% /NQ và 1 239 tỷ đồng ~ 24% /năm 2019.

+ LN trước thuế đạt 345 tỷ đồng, tăng 90 tỷ ~35%/NQ, tăng 105 tỷ đồng ~ 44%/2019;

+ LN sau thuế đạt 274 tỷ đồng, tăng 73,5 tỷ đồng ~37%/NQ, tăng 85 tỷ đồng ~45%/2019;

+ Đặc biệt VCSH đạt 1 060,8 tỷ đồng (lần đầu tiên trong lịch sử TCT đạt VCSH hơn 1 ngàn tỷ đồng), tăng mạnh 193,8 tỷ đồng ~ 22%/2019.

4.2.2. Tình hình tài chính của TCT tại thời điểm 31/12/2020

DVT: Triệu đồng./.

Chỉ tiêu	Mã số	2020	2019	Delta Cùng kỳ	
				Delta	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
Kết quả kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6 359 187	5 099 890	1 259 297	↑ 25%
Giá vốn hàng bán	11	5 884 630	4 795 988	1 088 642	↑ 23%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	474 557	303 902	170 655	↑ 56%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	343 992	222 394	121 598	↑ 55%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	345 104	239 706	105 398	↑ 44%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	274 174	188 955	85 219	↑ 45%
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	53	345 104	239 706	105 398	↑ 44%
Lợi nhuận trước thuế + lãi vay + khấu hao (EBITDA)	54	428 439	283 080	145 359	↑ 51%
Dòng tiền thuần NCF (Net Cash Flow)	55	357 510	232 329	125 180	↑ 54%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	5.43%	4.70%	0.7%	↑ 15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	4.31%	3.71%	0.6%	↑ 16%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bq	%	8.67%	7.92%	0.7%	↑ 9%
Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	28.23%	22.80%	5.4%	↑ 24%

® Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty năm 2020 đảm bảo tăng trưởng và ổn định, xu hướng phát triển tốt:

- + EBITDA năm 2020 đạt 428 tỷ đồng tăng 145 tỷ đồng ~ tăng 51%,
- + Dòng tiền ròng đạt 357,5 tỷ đồng tăng 125 tỷ đồng ~ tăng 54%,
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu tăng nhanh: 15% so với năm 2019 tăng từ 4,7% năm 2019 lên 5,4% năm 2020,
- + (ROE) Lợi nhuận sau thuế/VCSH: 28,23% tăng 24%/2019 (22,8%);
- + (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS: 8,67% tăng 9%/2019 (7,92%).

5. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT/BĐH và ĐHĐCĐ

- Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2020-2021, Tổng công ty đảm bảo nguồn cung cấp thông tin; công tác phối hợp giữa HĐQT/BĐH vẫn đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ quy định theo Điều lệ của Tổng công ty và quy định của Pháp luật.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2021

1. Mục tiêu kế hoạch

- Giám sát toàn bộ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- Giám sát thực hiện NQ ĐHĐCĐ và việc chấp hành quy định pháp luật;
- Đánh giá hệ thống Quản trị rủi ro thông qua các lớp phòng vệ;
- Giám sát chuyên sâu theo chuyên đề, tìm bản chất vấn đề, ra kiến nghị.

2. Kế hoạch hoạt động

- 1) Thực hiện giám sát theo kế hoạch đã thông qua theo quy định của pháp luật.
- 2) Giám sát các nội dung, kiến nghị của kiểm toán độc lập trong báo cáo tài chính.
- 3) Giám sát theo chuyên đề: *Tài chính, đầu tư, mua sắm, cơ chế khoán.*
- 4) Thẩm định báo cáo tài chính Quý/bán niên/năm, trước và sau kiểm toán.
- 5) Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định.
- 6) Kiểm tra các đề xuất từ phía các cổ đông tới BKS (nếu có).
- 7) Giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ với HĐQT/BĐH.
- 8) Giám sát khắc phục các kết luận thanh kiểm tra và các công việc khác.

PHẦN III. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Để công tác điều hành hoạt động có hiệu quả cao, BKS có một số kiến nghị đối với HĐQT/BĐH như sau:

Thứ nhất: Đẩy mạnh hoạt động số hóa vào trong mọi lĩnh vực quản lý như: phân tích dữ liệu, đối soát tự động, ký đối chiếu công nợ điện tử, quản lý tài sản.

Thứ hai: Đẩy mạnh hoạt động quản trị rủi ro thông qua các chốt phòng vệ, đồng thời tổ chức đánh giá hiệu quả của bộ máy.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT/BĐH Tổng Công ty đã tạo điều kiện tốt để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính trình./.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGÔ QUANG TUỆ

Số: /TTr-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Viettel.
Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH
Hãng Kiểm toán AASC,
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính
năm 2020 với những chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019 (Đã điều chỉnh)	Ghi chú
I	Báo cáo tài chính riêng			
1	Tổng tài sản	3.632.186	2.325.900	
2	Nợ phải trả	2.588.640	1.473.597	
	- Trong đó Nợ vay	47.301	0	
3	Vốn chủ sở hữu	1.043.546	852.303	
4	Tổng Doanh thu	6.033.414	4.890.947	
5	Tổng Chi phí	5.700.264	4.648.244	
6	Lợi nhuận trước thuế	333.150	242.703	
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	268.698	196.572	
II	Báo cáo tài chính hợp nhất			
1	Tổng tài sản	3.879.102	2.443.638	
2	Nợ phải trả	2.818.240	1.576.576	
	- Trong đó Nợ vay	47.301	0	
3	Vốn chủ sở hữu	1.060.862	867.063	
4	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	23	162	
5	Tổng Doanh thu	6.380.370	5.140.660	
6	Tổng Chi phí	6.035.266	4.900.954	
7	Lợi nhuận trước thuế	345.104	239.706	
8	Thuế TNDN	70.929	50.750	
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	274.174	188.955	

(Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo công ty mẹ (Báo cáo riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán chi tiết đính kèm)

Kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Số: /TTr-VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch
với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận về việc Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel ký kết các Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn Viettel”). Cụ thể như sau:

I. Báo cáo kết quả ký hợp đồng năm 2020 và 2021

Được sự đồng ý của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, theo Tờ trình số 04/TTr-VCC-HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty đã ký các hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội. Cụ thể như sau:

1. Các hợp đồng đã ký

Tổng giám đốc đã ký 02 hợp đồng thực hiện nội dung vận hành khai thác và ứng cứu thông tin năm 2020:

- Hợp đồng số 2812.01-DTTS/VTT-CÔNG TY/2019 về cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông. Giá trị hợp đồng: 1.648 tỷ đồng.

- Hợp đồng số 2812.02-DTTS/VTT-CÔNG TY/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng. Giá trị hợp đồng: 1.732 tỷ đồng.

Để đảm bảo việc kinh doanh được liên tục, và được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, Tổng Giám đốc đã ký 01 hợp đồng thực hiện nội dung vận hành khai thác và ứng cứu thông tin năm 2021 với giá trị không vượt 10% giá trị hợp đồng năm 2020:

- Hợp đồng số: 2812.01– DTTS/VTT-VCC/2020 ký ngày 28/12/2020 về việc cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông, giá trị hợp đồng 1.703.459.068.521 đồng, tăng 3,36% so với năm 2020. Các nội dung chính trong hợp đồng này tương đồng so với năm 2020 và không có nội dung nào gây bất lợi cho Tổng công ty và cổ đông.

Ngoài ra, HĐQT đã phê duyệt thông qua chủ trương cho phép Tổng giám đốc ký các hợp đồng có tính chất thường xuyên với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2020. Tổng số các hợp đồng là 2.016 hợp đồng, với tổng giá trị 1.903 tỷ đồng (danh mục HĐ được đăng tải trên website Tổng công ty).

2. Lợi nhuận, giá trị đem lại cho Tổng Công ty

Hai hợp đồng vận hành khai thác năm 2020, đã mang lại cho Tổng công ty 3.183 tỷ đồng doanh thu năm 2020 chiếm 53% doanh thu của Công ty mẹ và 160 tỷ đồng lợi nhuận gộp chiếm 36% lợi nhuận gộp của Công ty mẹ.

Mở rộng ra các hợp đồng giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội mang lại doanh thu chiếm 93,5% tổng doanh thu của Tổng công ty năm 2020, qua đó giúp đảm bảo kế hoạch kinh doanh, đảm bảo nguồn việc và thu nhập cho gần 10.000 CBNV.

II. Đề xuất đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng ký với Tập đoàn công nghiệp – viễn thông quân đội năm 2021 và năm 2022

1. Quy định pháp lý

Cổ đông Tập đoàn Viettel hiện đang là cổ đông lớn, sở hữu 65,66% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Công ty con trực thuộc Tập đoàn Viettel dự kiến ký với Tổng Công ty các Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông và Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thuê bao cố định có giá trị hợp đồng ước tính $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty.

Căn cứ Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 32 Điều lệ Tổng Công ty hiện hành thì những Hợp đồng, giao dịch nêu trên phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan là Tập đoàn Viettel không có quyền biểu quyết, các Hợp đồng này được chấp thuận khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

2. Xin ý kiến chấp thuận của ĐHĐCĐ về Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng năm 2021

2.1. Phạm vi, nội dung công việc của hợp đồng, giao dịch:

Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Bên A) đồng ý sử dụng và Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (Bên B) đồng ý cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng CĐBR tại 62 tỉnh, thành phố (ngoại trừ thành phố Hồ Chí Minh). Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao bao gồm vận hành khai thác, ứng cứu thông tin đường dây thuê bao (gồm đường dây GPON, AON, các dịch vụ cáp đồng và đường dây thuê bao trong tòa nhà) và thiết bị khách hàng. Dịch vụ phát triển mới khách hàng CĐBR bao gồm kéo dây, cài đặt, nghiệm thu dịch vụ, lắp đặt/cài đặt thêm dịch vụ trên đường dây có sẵn và các dịch vụ khác.

2.2. Tổng giá trị Hợp đồng tạm tính năm 2021: 2.162.976.806.883 đồng.

(Bằng chữ: Hai nghìn, một trăm sáu mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm linh sáu nghìn, tám trăm tám mươi ba đồng./).

Tổng giá trị Hợp đồng nêu trên là giá trị tạm tính đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng, dựa trên đơn giá và khối lượng công việc ước tính theo từng tháng trong năm.

Tổng giá trị Hợp đồng thực thanh toán sẽ là tổng Giá trị thanh toán các tháng thực tế sau khi được hai Bên quyết toán.

2.3. Thời hạn thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận thông qua “Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng” tại Mục 2 nêu trên.

3. Xin ý kiến của ĐHĐCĐ về việc chấp thuận việc ký kết các Hợp đồng trong năm 2022

Do tính chất của các Hợp đồng, giao dịch này: “Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông” và “Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng” là thường xuyên, là nguồn việc chính và được tiến hành đều đặn trong suốt 12 tháng/năm nên để đảm bảo nguồn doanh thu, lợi nhuận cho Tổng Công ty và thu nhập cho gần 10.000 người lao động, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc cho phép người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký hợp đồng cho năm 2022 với nội dung, phạm vi công việc tương tự mà giá trị ước tính của hợp đồng không vượt quá 10%- 15% giá trị hợp đồng năm 2021 và nội dung không có những thay đổi bất lợi hơn cho Tổng Công ty theo nội dung Hợp đồng năm 2021 nêu trên (trong trường hợp Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel trúng thầu). Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm báo cáo, giải trình về nội dung chủ yếu của Hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi ký kết.

Đồng thời HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ đồng ý cho phép việc HĐQT thông qua các giao dịch, hợp đồng kinh tế mang tính chất thường xuyên, liên tục với cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có giá trị dưới 35% giá trị tài sản của Tổng công ty do việc phải tổ chức ĐHĐCĐ để thông qua từng hợp đồng là bất khả thi. Sau đó HĐQT có trách nhiệm báo cáo về việc ký kết và thực hiện các hợp đồng trên tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Số: /BC-VCC-BKS

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel,

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

1. Yêu cầu đối với đơn vị kiểm toán

- Là đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận kiểm toán cho các Công ty đại chúng.
- Là đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty, có uy tín về chất lượng dịch vụ và đảm bảo thời gian kiểm toán, phí kiểm toán.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Dựa theo tiêu chí trên, Ban kiểm soát đề xuất các công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
4. Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam

Kính đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Số: /TT- VCC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ,
sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel phê duyệt nội dung sau:

I. Bổ sung ngành nghề kinh doanh:

Để tiếp tục phát huy các điểm mạnh đang có và hoàn thành sứ mệnh đặt ra trong giai đoạn 2020 – 2025: “*Thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình*”, từ năm 2021, Ban điều hành VCC dự kiến sẽ triển khai thêm các hoạt động kinh doanh mới sau:

1. Kinh doanh cho thuê kho bãi, hạ tầng:

- Lý do bổ sung: Mở rộng các hoạt động kinh doanh liên quan đến hạ tầng cho thuê.

- Mã ngành bổ sung: 6810.

2. Kinh doanh sàn giao dịch thương mại điện tử:

- Lý do bổ sung: Xây dựng nền tảng để đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ Homecare thuộc lĩnh vực Vận hành khai thác; đáp ứng xu thế kinh doanh của thị trường, tận dụng nguồn lực bán hàng và các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng để thúc đẩy việc tăng trưởng kinh doanh theo định hướng của VCC.

- Mã ngành bổ sung: 8299.

3. Kinh doanh các hoạt động về dịch vụ thông tin:

- Bao gồm các hoạt động sau:

+ Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;

+ Công thông tin (Trừ những thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo chí);

+ Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

- Lý do bổ sung: Căn cứ vào định hướng của VCC trong năm 2021 về việc triển khai kinh doanh ngoài các sản phẩm tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp, bao gồm các hoạt động kinh doanh sau:

+ Triển khai xử lý dữ liệu cho khách hàng dựa trên nền tảng số;

+ Triển khai các sản phẩm điện tử;

+ Triển khai sửa chữa máy tính, các thiết bị ngoại vi cho doanh nghiệp.

- Mã ngành bổ sung: 8299, 6311, 6312, 9511.

4. Thi công, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện gió:

- Lý do bổ sung: Mở rộng các hoạt động kinh doanh liên quan đến công trình nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo.

- Mã ngành bổ sung: 7110, 4329.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

II. Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

Trên cơ sở Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán thay đổi có hiệu lực từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel cần kịp thời cập nhật, sửa đổi một số nội dung để Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật. Cụ thể như sau:

1. Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel:

a. Đề xuất sửa đổi, cập nhật để phù hợp với thay đổi của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019: 34 nội dung.

b. Đề xuất sửa đổi để phù hợp với hoạt động quản lý, điều hành hiện tại:

- Bổ sung chi tiết và bổ sung mới các ngành nghề kinh doanh theo đề xuất tại mục 1;

- Bỏ khái niệm “Quy chế quản lý nội bộ” thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT khỏi Điều lệ. Nội dung này được chuyển sang Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phân cấp thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;

- Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về quyền hạn của HĐQT:

“Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị”.

- Sửa đổi nội dung về các vấn đề được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

- Bổ sung cách thức đề cổ đông tham gia họp Đại hội đồng cổ đông bằng các phương tiện điện tử.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

2. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel:

a. Đề xuất sửa đổi, cập nhật để phù hợp với thay đổi của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019: 15 nội dung.

b. Đề xuất sửa đổi để phù hợp với hoạt động quản lý, điều hành hiện tại:

- Sửa đổi phạm vi điều chỉnh để phù hợp với nội dung thực tế của quy chế;
- Bổ sung chi tiết hình thức gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và bổ sung hình thức họp trực tuyến;
- Sửa lỗi kỹ thuật về nội dung biểu quyết không hợp lệ trong cách thức bỏ phiếu, biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm)

III. Tổ chức thực hiện:

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định, chỉ đạo và giám sát việc Ban điều hành thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ban hành Điều lệ và công bố thông tin theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2021

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-VCC-BKS ngày ... tháng năm 2021 của Ban kiểm soát Tổng Công ty CP Công trình Viettel)

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty bao gồm các nội dung sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát nhằm thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản lý, tài chính và kinh doanh và các hoạt động khác của Tổng Công ty phù hợp với điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác có liên quan đến pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát, các đơn vị và cá nhân của Tổng Công ty có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát phải tuân thủ Quy chế này.

Điều 2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là “Ban Kiểm soát”) là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty (sau đây gọi tắt là “Điều lệ Tổng công ty”).

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Ban Kiểm soát tổ chức và Hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Những thông tin thu thập được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu được kiểm tra tại chỗ hoặc thông qua việc Báo cáo, cung cấp thông tin.
3. Tất cả các biên bản, báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.
4. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng Kiểm soát viên. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát, báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách với Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 4. Giải thích các từ viết tắt

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Ban kiểm soát (BKS): là Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

Thành viên Hội đồng quản trị (TVHĐQT): là các thành viên trong Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel.

Tiểu Ban thư ký: là bộ máy giúp việc của HĐQT và do HĐQT lập theo quy định.

Ban Điều hành (BDH): là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và **Kế toán trưởng (Trưởng phòng tài chính, kế toán)** của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

Kiểm soát nội bộ (KSNB): là bộ phận thuộc Phòng pháp chế và kiểm toán nội bộ Tổng công ty.

Kiểm toán nội bộ (KTNB): là bộ phận thuộc Phòng pháp chế và kiểm toán nội bộ Tổng công ty.

Ban Quản trị rủi ro: là bộ phận thuộc Phòng pháp chế và kiểm toán nội bộ Tổng công ty.

Tổng công ty (TCT): là Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel.

(VCC): là từ viết tắt bằng tiếng Anh của tên Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

Điều lệ Tổng công ty: Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được ban hành thông qua Nghị quyết số/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày ... tháng năm 2021 tại Hà Nội.

Luật doanh nghiệp: Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (áp dụng từ

01/01/2021 và thay thế cho Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13) và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Luật chứng khoán: là luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (áp dụng từ ngày 01/01/2021 và thay thế cho Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật số 62/2010/QH12).

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế này và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
5. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành khi được phân công, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết. Trường hợp có ý kiến khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành thì được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào Biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
7. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường khi xét thấy cần thiết cho việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.
8. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên, các đơn vị của Tổng công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh; Báo cáo về các hoạt động kiểm soát nội bộ tại đơn vị, kiểm tra tính chính xác của các báo cáo này để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
9. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, đầu tư, trong ghi chép sổ kế toán và Báo cáo tài chính nhưng đảm bảo trong quá trình kiểm tra không gây gián đoạn các hoạt động thường ngày của Tổng công ty.
10. Kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm của Tổng công ty.
11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông hoặc yêu cầu của nhóm cổ đông Quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
12. Rà soát hệ thống các văn bản ban hành trong hoạt động kinh doanh, phát hiện các vấn đề bất hợp lý để kiến nghị biện pháp cải tiến, sửa đổi bổ sung.
13. Kiến nghị Trưởng Ban kiểm soát báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, Báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng công ty.

14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

15. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Tổng công ty.

16. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, trong đó 01 Trưởng ban và 02 kiểm soát viên; nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Trong trường hợp một thành viên của Ban Kiểm soát mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, bị cách chức hoặc một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên, Ban Kiểm soát có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;

b) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam”;

c) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

đ) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên không được là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập

thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liên trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này “Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp” không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định, trường hợp Điều lệ không quy định thì thực hiện theo quy định của Pháp luật hoặc quy chế hoạt động của ban kiểm soát đã được ĐHCĐ thông qua.

Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Quy chế này, pháp luật và Điều lệ;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo Quy chế này, pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được Quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và được quy định cụ thể tại Quy chế này như sau:

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình Báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông Quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại Hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì phải thông Báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ hoặc bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của Tổng Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình Báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
14. Giám sát tình hình kinh doanh, tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
15. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông Báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
16. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.
17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
18. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông nếu trong trường hợp cần thiết (nếu có).
19. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
20. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
21. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
22. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
23. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này, pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
25. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;
 - b) Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm ngay sau khi phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế này.

2. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Lên chương trình, kế hoạch giám sát kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã lập.

5. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên. Giám sát, chỉ đạo các Kiểm soát viên trong việc thực hiện các công việc được phân công.

6. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của các Kiểm soát viên liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát.

7. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt, Kiểm soát viên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Tham gia hoặc cử Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp giao ban tháng, quý, năm của Tổng công ty; các phiên họp của Hội đồng quản trị.

8. Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát được gửi đến Đại Hội đồng cổ đông.

10. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để Báo cáo Ban kiểm soát.

11. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Chương IV CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Chế độ làm việc: Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo mảng việc được phân công của từng thành viên trong Ban Kiểm soát.

2. Định kỳ hàng quý, Trưởng Ban kiểm soát sẽ gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc kế hoạch làm việc, nội dung kiểm tra của Ban trong quý.

3. Kiểm soát viên được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban phân công. Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước Trưởng Ban kiểm soát và trước Đại Hội đồng cổ đông.

4. Giám sát là một biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Có hai hình thức giám sát:

- *Giám sát gián tiếp*: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo do Tổng công ty gửi đến và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, Ban kiểm soát kiểm tra đối chiếu với các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Tổng công ty, các quy định về quản lý tài chính của Tổng công ty. Nếu phát hiện có sự sai lệch, vi phạm các quy định trên, Ban Kiểm soát phải có ý kiến đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty xem xét và có sự điều chỉnh cho phù hợp.

- *Giám sát trực tiếp*: Theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát, các Kiểm soát viên được trực tiếp làm việc với các Bộ phận nghiệp vụ của Tổng công ty để giám sát tại chỗ việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Tổng công ty và các quy định về quản lý tài chính; sau đó báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát để Trưởng Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung hoặc thông báo cho Tổng Giám đốc Tổng công ty xem xét điều chỉnh hoạt động cho phù hợp và có hiệu quả.

5. Kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất

- *Kiểm tra định kỳ*: Căn cứ kế hoạch công tác đã thông báo Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát thực hiện các nội dung công việc kiểm soát theo kế hoạch đề ra.

- *Kiểm tra đột xuất*: Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Tổng công ty khắc phục kịp thời, Trưởng Ban kiểm soát quyết định thời điểm và nội dung kiểm tra, sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và thông báo cho Tổng Giám đốc.

6. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông tin đầy đủ, kịp thời và thường xuyên trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra.

7. Trường hợp đối tượng kiểm tra chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Trưởng ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty.

8. Các nội dung kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình Đại Hội đồng cổ đông phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi Kiểm soát viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 17. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng ban Kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày bầu ra Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- Trưởng Ban kiểm soát;
- Ít nhất 2/3 (hai phần ba) Kiểm soát viên;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám Đốc.

4. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát.

5. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, các phòng Ban chức năng và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty.

Điều 18. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích của cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp họp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những Kiểm soát viên này sẽ gửi phiếu cho Ban kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người được ủy quyền.

4. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ, họp lần đầu nhưng không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số Kiểm soát viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề

ng nghị triệu tập Đại Hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các Kiểm soát viên và xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

5. Trường hợp triệu tập họp bất thường: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của các đối tượng theo quy định tại Quy chế này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.

Điều 19. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

2. Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra trong cuộc họp Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt.

4. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

Điều 20. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Nội dung mỗi cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lập thành văn bản ghi rõ ràng các vấn đề của cuộc họp. Văn bản này sẽ phải được lưu trữ theo trình tự thời gian tại trụ sở Tổng công ty. Biên bản này là cơ sở cho các Quyết định của Ban kiểm soát. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian và địa điểm tổ chức phiên họp;
- Họ tên từng Kiểm soát viên dự họp hoặc người được Ủy quyền dự họp; Họ tên các Kiểm soát viên không dự họp và lý do;
- Chương trình và nội dung;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt ý kiến phát biểu tại cuộc họp;
- Kết luận của chủ tọa cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Kiểm soát viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các ý kiến bảo lưu;
- Các Quyết định đã được thông qua;
- Họ tên, chữ ký của tất cả Kiểm soát viên hoặc đại diện theo Ủy quyền dự họp.

2. Biên bản họp phải được đọc lại trước tất cả các Kiểm soát viên tham dự phiên họp và được tất cả các Kiểm soát viên tham dự ký. Chủ tọa và Thư ký phải trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của Biên bản họp Ban kiểm soát.
3. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm gửi Biên bản họp cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về việc tổ chức họp và ban hành các quyết định có liên quan của Ban kiểm soát, trừ trường hợp có khiếu nại liên quan đến việc tổ chức họp và nội dung của Biên bản họp đó được đưa ra trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 21. Báo cáo hoạt động thường niên của Ban Kiểm soát

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị, quyết định của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Kết quả giám sát tình hình **hoạt** động và tài chính của công ty. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
6. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
7. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông.
8. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Điều 22. Chi phí Hoạt động và thù lao của các Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm chi phí hoạt động của văn phòng Ban kiểm soát, chi phí tổ chức các phiên họp Ban kiểm soát, chi phí sử dụng tư vấn độc lập, công tác phí ngoại tỉnh, chi phí tiếp khách, chi phí đi công tác nước

ngoài (nếu có) sẽ được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trên Báo cáo Tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

3. Tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm được Đại Hội đồng cổ đông thông qua. Tổng mức lương/thù lao và chi phí hoạt động không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. *Quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước:*

Ban Kiểm soát tổ chức và thực hiện báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định hiện hành.

2. *Quan hệ với cổ đông*

- Ban kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

- Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 Luật doanh nghiệp và có báo cáo gửi cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị

- Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị (*nếu Hội đồng quản trị thông báo mời Ban kiểm soát tham dự họp*). Thư ký của Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty, làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty cho Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định.

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT xem xét và đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện của Tổng công ty đối với các nội dung đã được kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

- Hội đồng quản trị được quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra hoặc tham gia cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của Hội đồng quản trị.

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại Hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc để thẩm định.

- Ban kiểm soát thông Báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại Hội đồng cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội.

4. Quan hệ với Ban điều hành Tổng công ty

- Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên trong quá trình làm việc với Tổng giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tổng giám đốc báo cáo Ban kiểm soát về việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Tổng công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Ban kiểm soát.

- Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty.
- Ban kiểm soát kiến nghị hoặc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và các thành viên của Ban điều hành Tổng công ty 06 (sáu) tháng một lần.
- Tổng Giám đốc gửi thông báo mời Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, các buổi giao ban tại trụ sở chính, giao ban thường kỳ, hội nghị sơ kết, tổng kết của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.
- Thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, hoặc các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

5. Mối quan hệ giữa các thành viên:

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

6. Quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành

- Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Trưởng các đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra, kiểm toán.

Chương VII

BỔ SUNG SỬA ĐỔI, KHEN THƯỞNG VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 25. Bổ sung và sửa đổi quy chế

1. Việc sửa đổi bổ sung quy chế này do Trưởng Ban kiểm soát quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp lý liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được Ban kiểm soát áp dụng và điều chỉnh.

Điều 26. Khen thưởng, kỷ luật và hiệu lực thi hành

1. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng vật chất, tinh thần theo quy chế khen thưởng chung của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bị xử lý hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
3. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát có hiệu lực thi hành kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát ký quyết định ban hành.
4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Ngô Quang Tuệ

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-VCC-DHĐCĐ ngày tháng năm của
Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel)

CHƯƠNG 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức, nguyên tắc, chế độ hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần công trình Viettel và các mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị và các cá nhân, đơn vị khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định hiện hành pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, các đơn vị và cá nhân của Tổng Công ty có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

- “**Tổng Công ty**”: Tổng Công ty cổ phần công trình Viettel.
- “**HĐQT**”: Hội đồng quản trị của Tổng Công ty.
- “**Chủ tịch HĐQT**”: Chủ tịch hội đồng quản trị của Tổng Công ty.
- “**Thành viên HĐQT**”: Thành viên hội đồng quản trị của Tổng Công ty.
- “**Thành viên không điều hành**”: là thành viên không nắm giữ các chức vụ trong Ban điều hành của Tổng Công ty.
- “**Thành viên HĐQT chuyên trách**”: là thành viên HĐQT không nắm giữ các chức vụ trong Ban điều hành, làm việc toàn thời gian và duy nhất tại Tổng Công ty.
- “**DHĐCĐ**”: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.
- “**Ban điều hành**”: gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính- Kế toán của Tổng Công ty.
- “**Quy chế quản lý nội bộ**” thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bao gồm bao gồm các văn bản theo danh sách ban hành kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị từng thời kỳ..

Điều 3. Cơ cấu, tổ chức và nhiệm kỳ của HĐQT

1. HĐQT cơ quan quản lý Tổng Công ty, có quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo đúng quy định của Pháp luật và các Quy chế, quy định của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có 05 (năm) thành viên. Số lượng thành viên HĐQT từng thời kỳ theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
4. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. HĐQT Tổng Công ty phải có tối thiểu một thành viên chuyên trách.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể và thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có 01 phiếu biểu quyết. Nghị quyết HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
2. HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, và nghị quyết của ĐHĐCĐ khi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty hoặc quyết nghị của ĐHĐCĐ gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
3. Thành viên HĐQT hoạt động theo sự phân công trách nhiệm của HĐQT, có nghĩa vụ tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, khi ra quyết định hoặc can thiệp vào hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành không đúng quyền hạn của mình.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó;
 - d. Cử người đại diện vốn của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - e. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những người khác trong Ban điều hành trong việc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty. Quyết định thành lập, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con;
 - h. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, vốn góp của doanh nghiệp khác;
 - i. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
 - j. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;
 - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - m. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - o. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - p. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thông qua các giao dịch, hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ;

- b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;
 - c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;
 - d. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc một giá trị khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ;
 - e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - f. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - g. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - h. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Tổng Công ty với các đối tượng sau đây:
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT

HĐQT bầu Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;
3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
6. Giám sát Ban điều hành trong công việc điều hành kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty;
7. Đầu mối phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, báo cáo HĐQT phê duyệt; giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 lần;
8. Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề theo đề xuất của Ban điều hành trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp HĐQT bất thường;
9. Đảm bảo rằng các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà HĐQT phải cho ý kiến phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh;
10. Thay mặt HĐQT ký các Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT để thực hiện trong nội bộ Tổng Công ty hoặc gửi các cơ quan hữu quan;
11. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
12. Có quyền phủ quyết những văn bản, quyết định quản lý thuộc quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty ban hành, không phù hợp với chế độ chính sách của Nhà nước, với Điều lệ Tổng Công ty, làm ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông;
13. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT có nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và tại Quy chế này, cụ thể:

1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty.
2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận, có ý kiến và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật. Trường hợp các hợp đồng/giao dịch với thành viên HĐQT, và người có liên quan của họ; các thành viên HĐQT không có quyền biểu quyết. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, ĐHĐCĐ và trước HĐQT về quyết định của mình. Trường hợp do yêu cầu công việc không thể đến dự phiên họp của HĐQT, thành viên HĐQT được phép ủy quyền cho người đại diện của mình theo quy định tại Quy chế này.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và kiểm toán viên độc lập giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Tổng Công ty con, Tổng Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty.

5. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện đúng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã biểu quyết thông qua.

7. Chấp hành sự phân công nhiệm vụ của HĐQT, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT và toàn thể HĐQT, ĐHĐCĐ về kết quả công việc của mình.

8. Có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Tổng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; Trong trường hợp này, người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu.

9. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT chuyên trách

Ngoài nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, các thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT chuyên trách thực hiện các công việc sau:

1. Thành viên HĐQT chuyên trách làm việc tại Tổng Công ty, có trách nhiệm nắm bắt thường xuyên, sâu rộng tình hình thực tế của doanh nghiệp và tham mưu/giúp việc để đảm bảo Hội đồng quản trị kịp thời có những quyết định/chỉ đạo quan trọng, phù hợp với thực tế hoạt động doanh nghiệp.

2. Thành viên chuyên trách có trách nhiệm báo cáo/đề xuất phương án/giải pháp triển khai các nội dung công việc được phân công trước Chủ tịch HĐQT theo định kỳ tháng/quý.

3. Thành viên chuyên trách theo các công việc được phân công, có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT từ giai đoạn xây dựng các chương trình/kế hoạch, tăng cường phối hợp của các bộ phận để đảm bảo chất lượng, tiến độ và sự thống nhất trong quản trị điều hành. Đơn vị triển khai có trách nhiệm phải chủ động báo cáo với thành viên chuyên trách phụ trách các nội dung liên quan đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Thành viên chuyên trách có trách nhiệm báo cáo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động định kỳ trước Chủ tịch HĐQT/tại các cuộc họp HĐQT.

5. Thành viên chuyên trách có quyền được nghe báo cáo từ Ban Điều hành, bộ máy giúp việc, đơn vị kinh doanh, nguồn thông tin khác, và/hoặc tham vấn ý kiến của thành viên khác (nếu cần), tham vấn ý kiến tư vấn khác bên ngoài đối với các vấn đề/nội dung được phân công phụ trách trước khi có ý kiến biểu quyết.

6. Thành viên chuyên trách có thể có trợ lý giúp việc riêng tùy thuộc nhu cầu và quy mô công việc. Trợ lý giúp việc riêng là nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT.

7. Thành viên chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc cho HĐQT như cán bộ nhân viên Tổng Công ty, phù hợp với quy định pháp luật.

8. Nhiệm vụ quyền hạn của thành viên chuyên trách theo quy định của HĐQT Tổng Công ty từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG IV

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, BẢY NHIỆM, ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty khác;
- d. Từ 01/8/2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh (Tổng) Giám đốc của Tổng Công ty.

Điều 10. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên HĐQT

1. Trường hợp HĐQT Tổng Công ty xét thấy có vị trí thành viên HĐQT bị khuyết hoặc cần bầu thêm thành viên HĐQT để đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật, HĐQT cần triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trước khi họp tối thiểu 10 ngày, HĐQT phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào HĐQT; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử theo quy định của pháp luật.

2. Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng viên đối với thành viên HĐQT, hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT sẽ đề cử ứng viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. HĐQT thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do.

Điều 11. Bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi HĐQT để trình ĐHĐCĐ quyết định.

2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a. Số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn so với quy định của pháp luật;

b. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số thành viên được bầu cho nhiệm kỳ đó. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 12. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Thành viên HĐQT Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức.

2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ khi rơi vào các trường hợp khác được quy định tại mục 26.3. Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty .

CHƯƠNG V

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 13. Các cuộc họp của HĐQT

1. HĐQT mới được bầu phải tổ chức họp trong vòng 07 ngày kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang

nhau thì các thành viên HĐQT bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ để triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT họp định kỳ ít nhất 01 lần một quý hoặc bất thường. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền triệu tập. Trong trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thông báo tới các thành viên HĐQT về lý do không thể tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT về các nội dung dự kiến được quyết định tại phiên họp HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền phải triệu tập họp bất thường HĐQT khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty hoặc ít nhất 03 (ba) người điều hành khác;

c. Có đề nghị của ít nhất của 02 thành viên điều hành của HĐQT. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty, người đề nghị có quyền triệu tập họp HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

6. Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc Phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận và chỉ được ủy quyền trong trường hợp có lý do chính đáng không thể tham dự cuộc họp.

Điều 14. Nguyên tắc làm việc tại cuộc họp của HĐQT

1. Nguyên tắc cuộc họp:

- a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ liên quan;
- b. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách vì lợi ích của Tổng Công ty;
- c. Phát huy dân chủ, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.

2. Trật tự cuộc họp:

- a. Thành viên/Khách mời ngồi đúng vị trí theo hướng dẫn của Thư ký cuộc họp;
- b. Thành viên/Khách mời phát biểu ý kiến theo sự điều hành của Chủ tọa;
- c. Không hút thuốc lá trong phòng họp;
- d. Điện thoại di động để chế độ im lặng;
- e. Hạn chế nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại di động trong cuộc họp.

3. Thời gian họp:

- a. Cuộc họp bắt đầu đúng giờ theo Thông báo mời họp của Chủ tọa;
- b. Các Thành viên/Khách mời phải có mặt trước tối thiểu 5 phút trước khi cuộc họp bắt đầu;
- c. Người báo cáo phải có mặt trước tối thiểu 15 phút trước khi cuộc họp bắt đầu để chuẩn bị công tác báo cáo.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và các thành phần dự họp

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa cuộc họp:

- a. Bảo đảm cuộc họp được tiến hành phù hợp với quy định của pháp luật, đạt hiệu quả theo chương trình họp đề ra;
- b. Điều hành cuộc họp theo Chương trình họp, Quy chế này;

- c. Đề xuất thay đổi chương trình họp; hoãn/tạm dừng cuộc họp nếu xét thấy có lý do chính đáng;
 - d. Kết luận những vấn đề được thảo luận, điều hành thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - e. Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.
2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên và khách mời tham dự cuộc họp:
- a. Tuân thủ quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này;
 - b. Được nhận Tài liệu họp và các tài liệu khác theo Thông báo của Chủ tọa cuộc họp;
 - c. Nghiên cứu trước tài liệu và chuẩn bị ý kiến phát biểu tại cuộc họp. Trong trường hợp nội dung họp có tính chất phức tạp, các thành viên có thể bổ sung thêm ý kiến sau cuộc họp nhưng phải được sự chấp thuận của Chủ tọa cuộc họp;
 - d. Có trách nhiệm sử dụng tài liệu họp đúng mục đích, bảo mật thông tin theo quy định của Tổng Công ty và theo Quy chế này;
 - e. Được tham dự, phát biểu trực tiếp và biểu quyết tại cuộc họp theo sự điều hành của Chủ tọa chủ trì cuộc họp. Riêng khách mời có thể thảo luận tại cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết;
 - f. Các thành viên không trực tiếp tham dự họp có quyền ủy quyền cho một người khác tham gia và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT tán thành hoặc gửi ý kiến thông qua các hình thức khác theo quy định tại Quy chế này.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người báo cáo/Đơn vị báo cáo:
- a. Tuân thủ quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị và gửi tài liệu họp theo quy định tại Quy chế này;
 - c. Phải cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực về nội dung trình/báo cáo;
 - d. Được nhận các tài liệu do các đơn vị khác tham gia trình bày thuộc cùng nội dung tại cuộc họp theo Thông báo của Chủ tọa cuộc họp;
 - e. Được trình bày trực tiếp nội dung trình và bảo vệ quan điểm tại cuộc họp theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp;
 - f. Trường hợp Người báo cáo theo chỉ định của Chủ tọa cuộc họp không tham dự họp trực tiếp có thể ủy quyền cho người khác báo cáo thay nếu được sự chấp thuận của Chủ tọa cuộc họp.
4. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký cuộc họp:
- a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của cuộc họp;

- b. Soạn thảo, trình duyệt và ban hành Biên bản, nghị quyết cuộc họp HĐQT;
- c. Lưu trữ Biên bản, nghị quyết, tài liệu họp theo quy định của Tổng Công ty;
- d. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 17. Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp HĐQT

1. Thủ tục kiểm tra trước khi bắt đầu cuộc họp:

a. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm rà soát, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ của tài liệu họp và rà soát, thẩm tra danh sách thành viên, Người báo cáo, Khách mời theo Thông báo mời họp;

b. Thư ký cuộc họp thực hiện báo cáo Chủ tọa cuộc họp về kết quả rà soát, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ của tài liệu họp và kết quả rà soát, thẩm tra Người tham dự cuộc họp và đề xuất chủ tọa bắt đầu cuộc họp khi đủ điều kiện tiến hành cuộc họp.

2. Trình tự cuộc họp

Chương trình họp HĐQT theo trình tự sau đây hoặc theo điều hành của Chủ tọa chủ trì cuộc họp:

- a. Chủ tọa khai mạc và thông qua chương trình họp;
- b. Đơn vị báo cáo/Người báo cáo trình bày nội dung báo cáo;
- c. Các khách mời trình bày quan điểm/báo cáo bổ sung thêm thông tin;
- d. Thư ký cuộc họp trình bày báo cáo rà soát (nếu có);
- e. Các thành viên tiến hành thảo luận;
- f. Chủ tọa kết luận nội dung thảo luận và đề nghị biểu quyết thông qua quyết nghị của HĐQT.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Đối với những vấn đề không nhất thiết phải thảo luận tập thể hoặc cần giải quyết gấp hoặc nội dung đã rõ ràng hoặc không có điều kiện tổ chức họp HĐQT thì tùy theo tình hình, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Tiểu ban thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm hoặc bằng phương thức VOffice đến được địa chỉ liên lạc/địa chỉ thư điện tử của từng thành viên HĐQT đã đăng ký với Tổng công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp;
- Lý do và mục đích lấy ý kiến bằng văn bản;
- Họ và tên, địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;

- (Các) vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án biểu quyết: Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến;
- Thời hạn, địa chỉ gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty;
- Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Phiếu lấy ý kiến đã có ý kiến trả lời phải có họ và tên, chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về Tổng Công ty.

5. Tiểu ban thư ký HĐQT tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát tối thiểu của một thành viên HĐQT độc lập và/hoặc thành viên của BKS trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến.

6. Tiểu ban thư ký HĐQT và thành viên HĐQT/BKS giám sát tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các Nghị quyết, Quyết định được thông qua do việc kiểm phiếu không trung thực, không chính xác của mình gây ra.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết, Quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải lưu giữ tại trụ sở Tổng Công ty.

8. Nghị quyết, Quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng Văn bản của đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết, Quyết định này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết, Quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức trực tiếp hợp lệ.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC BỘ PHẬN KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 19. Quan hệ công tác với Ban Kiểm soát

1. Trước các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền triệu tập họp phải gửi giấy mời, tài liệu họp cho các thành viên Ban Kiểm soát. Trong cuộc họp, thành viên Ban Kiểm soát được quyền đóng góp ý kiến, đề xuất và kiến nghị với các nội dung họp nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Trong công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, HĐQT phải tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện công tác giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình. HĐQT giao thành viên HĐQT chuyên trách là đầu mối phối hợp với Ban kiểm soát trong việc triển khai công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

3. Khi tiếp nhận biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp đợt kiểm tra của Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT chuyên trách phải nghiên cứu, báo cáo HĐQT về phương án phối hợp với Ban điều hành xây dựng kế hoạch củng cố, chấn chỉnh để chỉnh sửa các sai sót, khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

Điều 20. Quan hệ công tác với Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về điều hành mọi mặt hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trường hợp khi thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo bằng văn bản cho HĐQT để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và nêu kiến nghị tại ĐHĐCĐ.

3. Tổng Giám đốc được chủ động quyết định điều hành sản xuất kinh doanh trong phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định. Khi cần thiết HĐQT ban hành Nghị quyết về việc phân cấp thẩm quyền cho Tổng Giám đốc.

4. Hàng tháng, chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trao đổi trực tiếp (hoặc gửi Thư công tác) cho Tổng Giám đốc lưu ý về một số vấn đề quan trọng của Tổng Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Tổng Giám đốc nếu Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết. Các ý kiến của Chủ tịch HĐQT không có tính chất bắt buộc nhưng Tổng Giám đốc phải xem xét tiếp thu nếu phù hợp. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo HĐQT trong đó tập trung làm rõ, phân tích và đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề đã được Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đề cập.

5. Theo yêu cầu công việc, Chủ tịch HĐQT chủ động gặp gỡ, trao đổi thường xuyên với Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

6. Thành viên HĐQT chuyên trách có trách nhiệm tham gia các cuộc họp giao ban và các cuộc họp chuyên đề của Ban điều hành. Trong trường hợp đột xuất không thể tham gia, thành viên HĐQT chuyên trách phải có báo cáo Chủ tịch HĐQT.

7. Tổng Giám đốc chủ động gặp gỡ, báo cáo, cập nhật thông tin về tình hình hoạt động của Tổng Công ty với Chủ tịch HĐQT và đề xuất HĐQT phương án giải quyết. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tôn trọng, lắng nghe các ý kiến của Tổng Giám đốc để nghiên cứu và triệu tập họp HĐQT xem xét, quyết định phương án giải quyết các khó khăn vướng mắc cho Tổng công ty, tạo điều kiện tối đa cho Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả.

8. Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm có quyền nhưng không bắt buộc phải tham dự các buổi họp giao ban và các cuộc họp chuyên đề của Ban điều hành. Tuy nhiên, các thành viên HĐQT kiêm nhiệm phải có trách nhiệm thường xuyên nắm bắt thông tin về Tổng Công ty để thực hiện tốt chức năng quản lý của HĐQT, thường xuyên lắng nghe và xử lý kịp thời các kiến nghị của các đơn vị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

9. Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo tháng, quý về tình hình sản xuất, kinh doanh và tình hình tài chính, đầu tư mua sắm... của Tổng Công ty cho HĐQT trong vòng 07 ngày đầu tiên của mỗi tháng đối với báo cáo tháng và trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với báo cáo quý.

Điều 21. Quan hệ công tác với cổ đông và nhà đầu tư

1. Các thành viên HĐQT phải thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các cổ đông và nhà đầu tư của Tổng Công ty; thực hiện đầy đủ các nội dung của Điều lệ liên quan đến các cổ đông và đảm bảo hiệu quả hoạt động hàng năm của Tổng Công ty vì lợi ích của các cổ đông.

2. Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông; cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của cổ đông và tham gia giải quyết triệt để các khiếu nại của cổ đông (nếu có) nhằm duy trì và giữ vững mối quan hệ giữa HĐQT và các cổ đông Tổng Công ty.

Điều 22. Bộ máy giúp việc của HĐQT

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Tổng Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HĐQT phải chỉ định tối thiểu một người làm Thư ký HĐQT hoặc thành lập Tiểu ban thư ký HĐQT. Tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký HĐQT/Tiểu ban thư ký HĐQT theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ.

2. HĐQT có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ Tổng Công ty, quy định pháp luật.

CHƯƠNG VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Chế độ làm việc của HĐQT

1. Thành viên HĐQT của Tổng Công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách.

2. Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách: gồm các thành viên HĐQT làm việc toàn thời gian tại Tổng Công ty (bao gồm cả Chủ tịch HĐQT nếu Chủ tịch HĐQT làm việc

theo chế độ chuyên trách) và không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh nào khác tại Tổng Công ty hoặc tại các doanh nghiệp khác.

3. Thành viên HĐQT làm việc kiêm nhiệm: gồm các thành viên HĐQT không làm việc theo chế độ chuyên trách như tại khoản 2 nêu trên.

Điều 24. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động

1. HĐQT dự tính mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên HĐQT kiêm nhiệm được hưởng thù lao, thành viên HĐQT chuyên trách được hưởng lương theo phân công nhiệm vụ của HĐQT và kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Chi phí hoạt động của HĐQT bao gồm chi phí hoạt động của bộ máy giúp việc HĐQT, chi phí tổ chức các phiên họp HĐQT, chi phí tiếp khách, chi phí đi công tác và các chi phí khác sẽ được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty trên cơ sở hợp lý và có hóa đơn chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, nguyên tắc tài chính của Tổng Công ty và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Xử lý vi phạm

HĐQT, Ban Điều hành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Quy chế này. Tổ chức hoặc cá nhân nào vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của Tổng Công ty và pháp luật (nếu cần thiết). Riêng các thành viên HĐQT vi phạm sẽ bị kiểm điểm trước HĐQT hoặc đưa ra ĐHĐCĐ phiên gần nhất để xem xét quyết định hình thức kỷ luật tùy theo mức độ và tính chất vi phạm. Trong trường hợp vi phạm do lỗi cố ý gây thiệt hại, thành viên HĐQT có trách nhiệm cá nhân bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Tổng Công ty, cổ đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

HĐQT có quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở kiến nghị của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan trong Quy chế này.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được soạn thảo trên cơ sở các Quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, quy định pháp luật hiện hành và đã được HĐQT nhất trí thông qua.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được HĐQT thông qua, và thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-CT-HĐQT ngày 14/01/2019 của HĐQT Tổng công ty cổ phần công trình Viettel.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, các quy chế nội bộ khác và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh chưa được đề cập trong Quy chế này thì HĐQT Tổng Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong từng giai đoạn./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT